

CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Số 12/VNECO3- TCKT  
V/v công bố BCTC bán niên năm 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
*Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc*

Vinh, ngày 15 tháng 08 năm 2022

**Kính gửi:** - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà nội

Tên Công ty : Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3

Mã chứng khoán : VE3

Trụ sở chính : Khối 3, Phường Trung đô , Thành phố Vinh , Tỉnh Nghệ an

Điện thoại : 038.3855619 – 112 . Fax: 038.3855263

Người thực hiện công bố thông tin : Bùi Đức Long

**Nội dung công bố thông tin :**

Báo cáo tài chính bán niên năm 2022 đã được soát xét của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3 được lập ngày 12 tháng 08 năm 2022 bao gồm :

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả kinh doanh
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4. Thuyết minh báo cáo tài chính

Công văn số 11/VNECO3- TCKT ngày 15/08/2022 giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế.

Địa chỉ Website đăng tải báo cáo tài chính : [www.vneco3.com.vn](http://www.vneco3.com.vn)

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố .

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

Nơi gửi : *Như trên*  
Lưu : *công ty;*



**Bùi Đức Long**

# **CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022



**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3**

Địa chỉ: Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	9 – 37



## CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Địa chỉ: Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty CP Xây dựng điện VNECO3 (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Võ Thành Lương	Chủ tịch
Ông Trần Đức Thanh	Thành viên
Ông Đậu Ngọc Thanh	Thành viên
Bà Trần Thị Lương	Thành viên
Ông Văn Anh Hùng	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 28/04/2022)
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 28/04/2022)

#### Ban kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Thế Hùng	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hồng Vinh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 28/04/2022)
Ông Nguyễn Huy Hùng	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 28/04/2022)

#### Ban Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Đức Thanh	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Trọng	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 10/06/2022)
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 10/06/2022)

#### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty là Ông Trần Đức Thanh, Giám đốc

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán giữa niên độ được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để



**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3**

Địa chỉ: Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán -Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: [www.ecovis.com/vietnam/audit](http://www.ecovis.com/vietnam/audit)).

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



**Trần Đức Thanh**

**Giám đốc**

Nghệ An, ngày 12 tháng 08 năm 2022

Số: 370/2022/BCSX-E.AFA

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty CP Xây dựng điện VNECO3 (Sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 08 năm 2022, từ trang 5 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty CP Xây dựng điện VNECO3 chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc



**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Phạm Quang Trung**  
**Tổng Giám đốc**

Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán:  
1334-2021-240-1

**Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM**  
Đà Nẵng, ngày 12 tháng 08 năm 2022

*Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*



**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3**

Địa chỉ: Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**Mẫu B 01a - DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>TM</b>	<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b>Tại ngày 01/01/2022</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>70.548.069.177</b>	<b>86.477.981.046</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>2.102.128.962</b>	<b>8.575.461.950</b>
1. Tiền	111		1.547.128.962	6.247.578.005
2. Các khoản tương đương tiền	112		555.000.000	2.327.883.945
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>43.425.848.454</b>	<b>43.377.843.443</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	30.475.462.121	29.753.611.290
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	6.066.488.919	3.281.723.325
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	8.193.074.257	11.651.685.671
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.7	(1.309.176.843)	(1.309.176.843)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.6</b>	<b>24.919.605.790</b>	<b>34.098.092.912</b>
1. Hàng tồn kho	141		24.989.666.652	34.169.967.567
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(70.060.862)	(71.874.655)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>100.485.971</b>	<b>426.582.741</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.10	93.493.340	175.099.709
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	251.483.032
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	6.992.631	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>10.666.779.254</b>	<b>11.102.548.476</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.239.089.973</b>	<b>6.590.209.328</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	6.239.089.973	6.590.209.328
Nguyên giá	222		16.159.076.882	16.074.076.882
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.919.986.909)	(9.483.867.554)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>3.486.000.000</b>	<b>3.486.000.000</b>
1. Nguyên giá	231	4.9	3.486.000.000	3.486.000.000
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>550.000.000</b>	<b>550.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	4.2	550.000.000	550.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>391.689.281</b>	<b>476.339.148</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	391.689.281	476.339.148
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>81.214.848.431</b>	<b>97.580.529.522</b>

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3**

Địa chỉ: Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**Mẫu B 01a - DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>62.182.751.267</b>	<b>78.592.714.601</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>59.719.697.686</b>	<b>75.875.545.853</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	20.298.783.228	34.993.742.076
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	3.728.433.138	4.553.470.679
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	358.679.111	152.076.342
4. Phải trả người lao động	314		1.418.457.613	3.982.631.862
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	12.924.284.298	11.516.663.960
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	609.753.932	369.330.727
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	19.979.918.446	20.094.691.158
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.16	74.950.127	74.950.127
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		326.437.793	137.988.922
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.463.053.581</b>	<b>2.717.168.748</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	4.11	955.635.143	1.146.762.171
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.15	151.418.426	214.406.565
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.17	1.356.000.012	1.356.000.012
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>19.032.097.164</b>	<b>18.987.814.921</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.18</b>	<b>19.032.097.164</b>	<b>18.987.814.921</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.197.100.000	13.197.100.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.197.100.000	13.197.100.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.860.000	8.860.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.544.508.710	2.544.508.710
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.281.628.454	3.237.346.211
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		3.014.787.340	1.959.319.430
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		266.841.114	1.278.026.781
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>81.214.848.431</b>	<b>97.580.529.522</b>



Trần Đức Thanh  
Giám đốc

Nghệ An, ngày 12 tháng 08 năm 2022

Bùi Đức Long  
Kế toán trưởng

Bùi Đức Long  
Người lập



**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3**

Địa chỉ: Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**Mẫu B 02a - DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho năm kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	49.276.216.450	36.421.385.485
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		49.276.216.450	36.421.385.485
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	46.070.677.782	33.413.406.479
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.205.538.668	3.007.979.006
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	13.599.720	169.665.933
7. Chi phí tài chính	22	5.4	931.116.268	697.066.644
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>931.116.268</i>	<i>697.066.644</i>
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	1.835.426.256	1.965.738.482
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		452.595.864	514.839.813
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	5.6	9.906.174	12.519.470
13. Lợi nhuận khác	40		(9.906.174)	(12.519.470)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		442.689.690	502.320.343
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	175.848.576	59.584.794
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		266.841.114	442.735.549
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.18.5	202	167
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.18.6	202	167



**Trần Đức Thanh**  
Giám đốc

Nghệ An, ngày 12 tháng 08 năm 2022

**Bùi Đức Long**  
Kế toán trưởng

**Bùi Đức Long**  
Người lập



**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3**

Địa chỉ: Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**Mẫu số B 03a - DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		51.495.061.477	53.568.081.330
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(50.073.405.920)	(41.829.449.599)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(6.812.125.500)	(4.400.276.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(940.352.921)	(608.818.320)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(151.326.342)	(126.372.109)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.818.804.999	5.408.979.397
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.640.653.087)	(7.554.284.254)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(6.303.997.294)</b>	<b>4.457.860.445</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(85.000.000)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(800.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		-	2.700.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		30.437.018	132.073.177
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(54.562.982)</b>	<b>2.032.073.177</b>
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	13.336.364.643	14.491.042.146
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(13.451.137.355)	(17.795.897.531)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(114.772.712)</b>	<b>(3.304.855.385)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>		<b>(6.473.332.988)</b>	<b>3.185.078.237</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		8.575.461.950	3.627.847.853
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>		<b>2.102.128.962</b>	<b>6.812.926.090</b>



Trần Đức Thanh  
Giám đốc

Nghệ An, ngày 12 tháng 08 năm 2022

Bùi Đức Long  
Kế toán trưởng

Bùi Đức Long  
Người lập



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty CP Xây dựng điện VNECO3 (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt nam, được thành lập theo Quyết định số 122/2013/QĐ-BCN ngày 11/07/2013 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Xí nghiệp Bê tông ly tâm và Xây dựng điện Vinh thuộc Công ty Xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam) thành Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3.3. Sau đó, Công ty được đổi tên thành Công ty CP Xây dựng điện VNECO3 theo Quyết định số 03QĐ/XLĐ 3.3-HĐQT ngày 20/02/2016 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3.3. Công ty hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900576216 ngày 20 tháng 11 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 08 tháng 01 năm 2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 13.197.100.000 VND.

Ngày 15 tháng 06 năm 2010, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 514/TB-SGDHN với mã chứng khoán VE3. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu của Công ty tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội là ngày 30/06/2010.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 47 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 48 người).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Xây lắp và sản xuất công nghiệp.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. (Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi; Xây dựng các nhà máy điện, đường dây và trạm biến áp đến 500 KV.);
- Xây dựng nhà các loại. (Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. (Chi tiết: Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. (Chi tiết: Sản xuất cột điện bê tông, cống bê tông ly tâm, cống rung lắc và các sản phẩm từ bê tông);
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. (Chi tiết: Tư vấn giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường dây và trạm biến áp);



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. (Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi; - Xây dựng các nhà máy điện, đường dây và trạm biến áp đến 500 KV);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. (Chi tiết: Xử lý nền móng công trình);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. (Chi tiết: Mua bán xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng);
- Lắp đặt hệ thống điện. (Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện ở tất cả các công trình nhà ở và dân dụng);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. (Chi tiết: Lắp đặt cấu kiện bê tông đúc sẵn);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. (Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện: máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. (Chi tiết: Mua bán sắt, thép, cấu kiện kim loại);

### **1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **2.2. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022.

### **2.3. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

### **2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

## **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

### **3.1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 cũng như các khoản doanh thu, chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

### **3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quý, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **3.3. Đầu tư tài chính**

#### ***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

#### ***Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính***

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

### **3.4. Nợ phải thu**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

#### ***Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

### **3.5. Hàng tồn kho**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

### ***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### ***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

### **3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

#### ***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

#### ***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<b><u>Năm 2022</u></b>
• Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 50 năm
• Máy móc, thiết bị	05 – 15 năm
• Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
• Thiết bị dụng cụ quản lý	05 – 18 năm

### **3.1. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

#### ***Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư***

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

### ***Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư***

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

### **3.2. Cho thuê tài sản**

#### ***Cho thuê hoạt động***

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

### **3.7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm, sửa chữa... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 - 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### **3.8. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

### **3.9. Chi phí đi vay**

#### ***Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay***

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

### **3.10. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

### **3.11. Dự phòng phải trả**

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

### **3.12. Nguồn vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

#### ***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### ***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

### **3.13. Doanh thu, thu nhập khác**

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

#### ***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

### **3.14. Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

### **3.15. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

### **3.16. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

### **3.17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng, chi phí xuất khẩu, chi phí mua công cụ, dụng cụ, các chi phí khác...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng)...

### **3.18. Thuế**

#### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

#### ***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế như sau:

- Đối với hoạt động xây lắp công trình điện: áp dụng thuế suất 10%; (được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% đối với hoạt động xây lắp điện kể từ ngày 01/02/2022 đến 31/12/2022 theo quy định tại Nghị định 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022);
- Đối với các hoạt động khác: áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.

#### ***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



## CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3

Địa chỉ: Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### 3.19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

#### 3.20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

#### 3.21. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động theo 02 bộ phận chính là bộ phận xây lắp và bộ phận sản xuất và dịch vụ trong một bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam.

#### 3.22. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

### 4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
Tiền mặt tại quỹ		151.940.941		36.703.207
+ VND		151.940.941		36.703.207
Tiền gửi ngân hàng		1.395.188.021		6.210.874.798
+ VND		1.373.525.811		6.189.212.588
+ USD	942,04 #	21.662.210	942,04 #	21.662.210
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn 1 tháng)		555.000.000		2.327.883.945
<b>Cộng</b>		<b>2.102.128.962</b>		<b>8.575.461.950</b>

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3**

Địa chỉ: Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Dài hạn</b>				
Trái phiếu ngân hàng (*)	550.000.000	550.000.000	550.000.000	550.000.000
<b>Cộng</b>	<b>550.000.000</b>	<b>550.000.000</b>	<b>550.000.000</b>	<b>550.000.000</b>

(\*) Trái phiếu đang nắm giữ được phát hành bởi Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam được cầm cố cho các khoản vay bao gồm:

+ Giấy chứng nhận số CTG1828T2/01-1837 phát hành ngày 29/06/2018, số lượng 5 trái phiếu, mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu;

+ Giấy chứng nhận số CTG2028T2/01-3575 phát hành ngày 30/07/2020, số lượng 5.000 trái phiếu, mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu.

**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ban Quản lý dự án - Phát triển Điện Lực	-	767.612.876
BQLDA lưới điện _ Tổng Công ty điện lực Miền Bắc	2.286.599.349	-
Tông Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	8.309.798.945	8.272.031.015
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2	551.666.902	605.033.402
Điện lực Nghệ An - CN Điện lực Miền Bắc	7.689.266.583	9.989.524.891
Công ty Cổ phần Tài chính và Phát triển Năng Lượng	5.030.955.436	4.130.955.436
Khách hàng khác	6.607.174.906	5.988.453.670
<b>Cộng</b>	<b>30.475.462.121</b>	<b>29.753.611.290</b>
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan - xem thêm mục 8	8.309.798.945	8.272.031.015

**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Công ty TNHH ĐT XD & TM Thủy Dương	1.123.613.226	1.278.613.226
Công ty TNHH MTV Tư vấn TK & XD Quang Trang	1.252.060.890	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO4	802.161.649	-
Công ty TNHH Phát triển Năng lượng Đà Nẵng	942.365.976	-
Công ty ENTEC Kỹ thuật Năng Lượng	-	761.869.020
Các đối tượng khác	1.946.287.178	1.241.241.079
<b>Cộng</b>	<b>6.066.488.919</b>	<b>3.281.723.325</b>
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan - xem thêm mục 8	802.161.649	-



**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3**

Địa chỉ: Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.5. Phải thu khác**

	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tạm ứng	7.354.399.283	-	8.896.649.228	-
Phải thu khác	63.180.347	(500.000)	70.482.508	(500.000)
Ký cược, ký quỹ	760.411.294	-	2.652.633.304	-
Lãi dự thu	15.083.333	-	31.920.631	-
<b>Cộng</b>	<b>8.193.074.257</b>	<b>(500.000)</b>	<b>11.651.685.671</b>	<b>(500.000)</b>

**4.6. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.111.973.332	31.428.690	2.417.813.312	33.242.483
Công cụ, dụng cụ	17.181.158	1.878.552	73.637.660	1.878.552
Chi phí SXKD dở dang	20.397.835.638	5.724.243	28.862.275.439	5.724.243
Thành phẩm	2.462.676.524	31.029.377	2.816.241.156	31.029.377
<b>Cộng</b>	<b>24.989.666.652</b>	<b>70.060.862</b>	<b>34.169.967.567</b>	<b>71.874.655</b>

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ là 70.060.862 VND.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối kỳ là 24.919.605.790 VND.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

## 7. Nợ xấu

	Tại ngày 30/06/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	1.309.176.843	-	1.309.176.843	-
<b>Cộng</b>	<b>1.309.176.843</b>	<b>-</b>	<b>1.309.176.843</b>	<b>-</b>

Ban Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp do không liên lạc được với các đối tượng này.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2022 VND			Tại ngày 01/01/2022 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần Việt Á Nghĩa Đoàn	227.472.400	-	Trên 3 năm	227.472.400	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Á	126.816.013	-	Trên 3 năm	126.816.013	-	Trên 3 năm
Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng	63.045.500	-	Trên 3 năm	63.045.500	-	Trên 3 năm
Lê Tiến Thông - XD Thông Châu Hà Tĩnh	53.772.168	-	Trên 3 năm	53.772.168	-	Trên 3 năm
Các đối tượng khác	838.070.762	-		838.070.762	-	
<b>Cộng</b>	<b>1.309.176.843</b>	<b>-</b>		<b>1.309.176.843</b>	<b>-</b>	



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2022	4.227.035.569	7.969.177.179	3.753.168.181	124.695.953	16.074.076.882
Mua sắm trong kỳ	-	85.000.000	-	-	85.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b>4.227.035.569</b>	<b>8.054.177.179</b>	<b>3.753.168.181</b>	<b>124.695.953</b>	<b>16.159.076.882</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2022	3.570.438.457	3.541.641.204	2.264.455.829	107.332.064	9.483.867.554
Khấu hao trong kỳ	23.670.304	220.002.426	190.096.625	2.350.000	436.119.355
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b>3.594.108.761</b>	<b>3.761.643.630</b>	<b>2.454.552.454</b>	<b>109.682.064</b>	<b>9.919.986.909</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2022	656.597.112	4.427.535.975	1.488.712.352	17.363.889	6.590.209.328
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b>632.926.808</b>	<b>4.292.533.549</b>	<b>1.298.615.727</b>	<b>15.013.889</b>	<b>6.239.089.973</b>

Giá trị còn lại của tài sản cố định cầm cố, thế chấp cho các khoản vay là 5.241.573.405 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 5.727.321.990 VND.

Không có TSCĐ hữu hình cuối kỳ chờ thanh lý.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

## .9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá: Quyền sử dụng đất (*)	3.486.000.000	-	-	3.486.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.486.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.486.000.000</b>

Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 288, tờ bản đồ số 35 tại xã Nghi Kim, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Ông Nguyễn Văn Tuấn và Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO3. Giá trị chuyển nhượng: 3.486.000.000 VND.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để chờ tăng giá để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Quyền sử dụng đất được cầm cố thế chấp tại hợp đồng vay số 20816.21.812.4530380.TD ngày 31/05/2022.



**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3**

Địa chỉ: Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.10. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	11.704.893	99.281.543
Chi phí bảo hiểm	32.835.537	26.212.805
Chi phí sửa chữa	33.840.795	34.768.997
Chi phí trả trước khác	15.112.115	14.836.364
<b>Cộng</b>	<b>93.493.340</b>	<b>175.099.709</b>
<b>Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	44.489.257	-
Chi phí sửa chữa	54.946.909	97.158.647
Chi phí thu xếp vốn chờ phân bổ	288.806.031	373.713.558
Chi phí trả trước khác	3.447.084	5.466.943
<b>Cộng</b>	<b>391.689.281</b>	<b>476.339.148</b>

**4.11. Phải trả người bán**

	Tại ngày 30/06/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>				
Công ty CP chế tạo kết cấu thép VNECO.SSM	-	-	2.126.008.793	2.126.008.793
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	658.288.609	658.288.609	653.048.328	653.048.328
Công ty TNHH Nhật Quang Huy	4.436.222.570	4.436.222.570	6.615.288.809	6.615.288.809
Công ty CP Xây dựng điện VNECO2	1.743.468.626	1.743.468.626	2.590.960.678	2.590.960.678
Công ty CP Đầu tư và Phát triển 678	929.917.267	929.917.267	3.795.004.533	3.795.004.533
Công ty TNHH cơ khí xây dựng và thương mại Bảo Linh	20.906.205	20.906.205	2.957.544.298	2.957.544.298
Công ty TNHH xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Bình Minh tại Thanh Hóa	2.675.449.573	2.675.449.573	2.836.426.395	2.836.426.395
Các đối tượng khác	9.834.530.378	9.834.530.378	13.419.460.242	13.419.460.242
<b>Cộng</b>	<b>20.298.783.228</b>	<b>20.298.783.228</b>	<b>34.993.742.076</b>	<b>34.993.742.076</b>
<b>Dài hạn</b>				
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	955.635.143	955.635.143	1.146.762.171	1.146.762.171
<b>Cộng</b>	<b>955.635.143</b>	<b>955.635.143</b>	<b>1.146.762.171</b>	<b>1.146.762.171</b>
Trong đó: Phải trả người bán là bên liên quan - Xem thêm mục 8	1.613.923.752	1.613.923.752	1.799.810.499	1.799.810.499

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3**

Địa chỉ: Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Công ty TNHH MTV Điện Lực Đà Nẵng	2.288.622.241	-
Ban QLDA Thủy điện Bản Mòng - Chi nhánh Tổng công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP Tại Nghệ An	1.166.726.078	2.036.978.061
BQLDA lưới điện - Tổng công ty điện lực Miền Bắc	-	2.327.883.945
Các đối tượng khác	273.084.819	188.608.673
<b>Cộng</b>	<b>3.728.433.138</b>	<b>4.553.470.679</b>

**4.13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2022 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT phải nộp	-	182.830.535	4.638.367.584	4.455.537.049	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	175.848.576	175.848.576	151.326.342	-	151.326.342
Thuế thu nhập cá nhân	1.243.300	-	5.300.000	7.293.300	-	750.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	5.749.331	-	-	5.749.331	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>6.992.631</b>	<b>358.679.111</b>	<b>4.822.516.160</b>	<b>4.622.906.022</b>	<b>-</b>	<b>152.076.342</b>

**4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Trích trước chi phí kiểm toán	30.000.000	22.500.000
ĐZ 110kz đấu nối nhà máy thủy điện Bản Mòng	-	1.762.934.000
ĐZ 110kz nhà máy thủy điện Ngàn Trươi	69.785.545	1.128.214.018
Trích trước chi phí Nậm Mô - Tương Dương	954.699.932	-
ĐZ NA XL-02 DZ trung hạ áp và TBA các xã thuộc huyện Kỳ Sơn Quế phong	697.326.068	1.328.563.189
Trích trước CT DZ 110 Kv Đấu nối thủy điện Tr'hy	11.172.472.753	7.274.452.753
<b>Cộng</b>	<b>12.924.284.298</b>	<b>11.516.663.960</b>



**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3**

Địa chỉ: Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.15. Phải trả khác ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	61.760.000	32.852.000
Bảo hiểm bắt buộc	143.505.000	-
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	186.976.648	218.132.687
Các khoản phải trả khác	217.512.284	118.346.040
<b>Cộng</b>	<b>609.753.932</b>	<b>369.330.727</b>
Dài hạn:		
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	151.418.426	214.406.565
<b>Cộng</b>	<b>151.418.426</b>	<b>214.406.565</b>
Trong đó: Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan - xem thêm mục 8	338.395.074	432.539.252

**4.16. Dự phòng phải trả**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	74.950.127	74.950.127
<b>Cộng</b>	<b>74.950.127</b>	<b>74.950.127</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

## 17. Vay và nợ thuê tài chính

	Tại ngày 30/06/2022 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn:</b>						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP Vinh	743.273.000	743.273.000	743.273.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Nghệ An	-	-	-	2.992.000.723	2.992.000.723	2.992.000.723
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh TP Vinh	15.903.306.446	15.903.306.446	10.500.952.643	9.487.936.632	14.890.290.435	14.890.290.435
Trần Đức Dũng	1.538.836.000	1.538.836.000	1.538.836.000	-	-	-
Đậu Thị Bích Hằng	72.603.000	72.603.000	2.603.000	-	-	-
Lê Thị Kim Anh	-	-	-	-	70.000.000	70.000.000
Nguyễn Kim Long	103.871.000	103.871.000	103.871.000	-	-	-
Trần Mạnh Hùng	622.315.000	622.315.000	22.315.000	600.000.000	600.000.000	600.000.000
Trần Thị Kim Hoa	924.514.000	924.514.000	424.514.000	-	600.000.000	600.000.000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả:</b>						
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh TP Vinh	71.200.000	71.200.000	-	71.200.000	800.000.000	800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>19.979.918.446</b>	<b>19.979.918.446</b>	<b>13.336.364.643</b>	<b>13.451.137.355</b>	<b>20.094.691.158</b>	<b>20.094.691.158</b>
<b>Dài hạn:</b>						
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh TP Vinh	356.000.012	356.000.012	-	-	356.000.012	356.000.012
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.356.000.012</b>	<b>1.356.000.012</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.356.000.012</b>	<b>1.356.000.012</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>21.335.918.458</b>	<b>21.335.918.458</b>	<b>13.336.364.643</b>	<b>13.451.137.355</b>	<b>21.450.691.170</b>	<b>21.450.691.170</b>
Trong đó: Vay với bên liên quan - xem thêm mục 8	2.538.836.000	2.538.836.000			1.000.000.000	1.000.000.000



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo hợp đồng vay sau:
  - Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022-HĐCVHM/NHCT442 - VNECO3 của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Vinh ngày 07/06/2022; hạn mức 3.000.000.000 VND; Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cột điện, cột, ống bê tông các loại; Lãi suất vay: Theo từng Giấy nhận nợ; Thời hạn vay: đến 26/05/2023.
  - Tài sản đảm bảo theo các hợp đồng sau:
    - + Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 01-2017/HĐTC ký ngày 16/05/2017 giữa Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3 và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Vinh
    - + Hợp đồng thế chấp Động sản số 01-2017/HĐTC ký ngày 16/05/2017;
    - + Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông số 01-2017/HĐTC ký ngày 16/05/2017;
    - + Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 01-2017/HĐTC ký ngày 16/05/2017;
    - + Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 01-2017/HĐTC ký ngày 16/05/2017;
    - + Hợp đồng thế chấp giấy tờ có giá số 04/2020/HĐBĐ/NHCT442-VNECO3 ký ngày 25/08/2020;
    - + Hợp đồng thế chấp giấy tờ có giá số 01/2022/HĐBĐ/NHCT442 ký ngày 10/03/2022.
- Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Nghệ An theo các hợp đồng vay sau:
  - Hợp đồng tín dụng số 24733.22.812.4530380.TD của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Nghệ An ngày 31/05/2022; hạn mức tín dụng 90.000.000.000.000 VND; Mục đích vay: Phục vụ hoạt động thi công xây lắp điện; Lãi suất vay: Theo từng giấy nhận nợ; Thời hạn vay: đến 20/05/2023.
  - Tài sản đảm bảo cho vay được chi tiết như sau:
    - + Bất động sản theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD554762 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Nghệ An cấp ngày 12/01/2022;
    - + Hàng hóa và quyền đòi nợ hình thành từ phương án tài trợ theo Hợp đồng thế chấp Hàng hóa và quyền đòi nợ hình thành từ phương án tài trợ số 26197.21.812.4530380.BĐ ngày 25/05/2021;
    - + Quyền đòi nợ hình thành từ Hợp đồng số 85/2021/HĐXL-PCNA-BDA ngày 26/09/2021 giữa Công ty điện lực Nghệ An - chi nhánh Tổng Công ty điện lực Miền Bắc và khách hàng;
    - + Hàng hóa và quyền đòi nợ hình thành từ phương án tài trợ theo Hợp đồng thế chấp Hàng hóa và quyền đòi nợ hình thành từ phương án tài trợ số 59197.21.812.4530380.BĐ ngày 29/10/2021.
  - Hợp đồng tín dụng số 29452.20.812.4530380.TD của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Nghệ An ngày 26/06/2020; Mục đích vay: Mua xe ô tô Nissan; Lãi suất vay: Theo lãi suất thả nổi, Thời hạn vay: 05 năm; Tài sản đảm bảo theo hợp đồng đảm bảo số 29452.20.812.4530380.BĐ ngày 26/06/2020 là Xe ô tô con nhãn hiệu NISSAN BKS: 37A-694.73.
- Khoản vay dài hạn với Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam:
  - Hợp đồng thu xếp vốn số 03/2018/HĐTXV với Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam ngày 23/11/2018; Mục đích vay: phục vụ thi công công trình; Lãi suất vay: 10%/năm; Thời hạn vay: 60 tháng; Hạn mức: 1.533.845.480 VNĐ; Tài sản đảm bảo: hình thức tín chấp và toàn bộ các khoản phải thu từ các công trình của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam đối với Công ty Cổ phần Xây dựng điện Vneco3.

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3**

Địa chỉ: Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.18. Vốn chủ sở hữu****4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2021	13.197.100.000	8.860.000	2.544.508.710	1.959.319.430	17.709.788.140
Lãi trong 06 tháng đầu năm trước	-	-	-	442.735.549	442.735.549
Tại ngày 30/06/2021	13.197.100.000	8.860.000	2.544.508.710	2.402.054.979	18.152.523.689
Lãi trong 06 tháng cuối năm trước	-	-	-	835.291.232	835.291.232
Tại ngày 01/01/2022	13.197.100.000	8.860.000	2.544.508.710	3.237.346.211	18.987.814.921
Lãi trong 06 tháng đầu năm nay	-	-	-	266.841.114	266.841.114
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(222.558.871)	(222.558.871)
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b>13.197.100.000</b>	<b>8.860.000</b>	<b>2.544.508.710</b>	<b>3.281.628.454</b>	<b>19.032.097.164</b>

(\*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01NQ/VNECO3-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2022.

**4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	6.985.720.000	6.985.720.000
Các cổ đông khác	6.211.380.000	6.211.380.000
<b>Cộng</b>	<b>13.197.100.000</b>	<b>13.197.100.000</b>

**4.18.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn góp đầu kỳ	13.197.100.000	13.197.100.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
<b>Vốn góp cuối năm</b>	<b>13.197.100.000</b>	<b>13.197.100.000</b>



**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3**

Địa chỉ: Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.18.4. Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.319.710	1.319.710
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.319.710	1.319.710
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.319.710	1.319.710
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.319.710	1.319.710
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.319.710	1.319.710
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

**4.18.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	266.841.114	442.735.549
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	222.558.871
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	266.841.114	220.176.678
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	1.319.710	1.319.710
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>202</b>	<b>167</b>

Trong 06 tháng đầu năm 2022, Công ty chưa có dự tính tính quỹ khen thưởng, phúc lợi nên lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 là toàn bộ lợi nhuận sau thuế.

**4.18.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	266.841.114	442.735.549
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	222.558.871
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	266.841.114	220.176.678
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.319.710	1.319.710
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.319.710	1.319.710
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>202</b>	<b>167</b>

Công ty dự kiến phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 1.319.710 cổ phiếu lên 2.639.420 cổ phiếu như được trình bày tại Thuyết minh 10.

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3**

Địa chỉ: Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.18.7. Cổ tức**

Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông năm 2022 số 01NQ/VNECO3-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2022 của Công ty đã thông qua kế hoạch chia cổ tức năm 2021 với tỷ lệ chi trả là 8% vốn điều lệ. Đến nay, Công ty chưa chốt danh sách cổ đông hưởng quyền nhận cổ tức này.

**4.19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ**

	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
Ngoại tệ các loại USD	942,04	942,04

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	47.681.232.293	34.858.075.631
Doanh thu bán hàng	1.567.029.616	1.289.897.548
Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.954.541	273.412.306

<b>Cộng</b>	<b>49.276.216.450</b>	<b>36.421.385.485</b>
-------------	-----------------------	-----------------------

Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đối với các bên liên quan - Xem thêm mục 8	6.734.238.198	1.955.551.566
---	---------------	---------------

**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	44.672.466.838	32.366.150.584
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.378.024.737	975.372.678
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	22.000.000	66.158.974
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	5.724.243
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.813.793)	-

<b>Cộng</b>	<b>46.070.677.782</b>	<b>33.413.406.479</b>
-------------	-----------------------	-----------------------

**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	13.599.720	169.665.933
<b>Cộng</b>	<b>13.599.720</b>	<b>169.665.933</b>



**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3**

Địa chỉ: Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****5.4. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	931.116.268	697.066.644
<b>Cộng</b>	<b>931.116.268</b>	<b>697.066.644</b>

**5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.002.725.348	912.239.500
Chi phí dụng cụ văn phòng	6.863.030	26.223.757
Chi phí khấu hao TSCĐ	93.625.823	67.710.178
Chi phí dự phòng	-	130.691.997
Thuế, phí và lệ phí	50.517.866	127.971.273
Chi phí dịch vụ mua ngoài	116.927.710	70.691.952
Chi phí bằng tiền khác	564.766.479	630.209.825
<b>Cộng</b>	<b>1.835.426.256</b>	<b>1.965.738.482</b>

**5.6. Chi phí khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Phạt vi phạm hành chính	4.246.494	-
Phạt vi phạm hợp đồng	-	10.000.000
Các khoản khác	5.659.680	2.519.470
<b>Cộng</b>	<b>9.906.174</b>	<b>12.519.470</b>

**5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.210.417.096	6.380.613.470
Chi phí công cụ, dụng cụ	284.365.749	378.475.721
Chi phí nhân công	3.947.095.324	5.279.686.005
Chi phí khấu hao tài sản cố định	436.119.355	383.648.631
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.015.112.618	25.672.016.186
Chi phí khác bằng tiền	1.166.803.256	1.384.025.356
<b>Cộng</b>	<b>39.059.913.398</b>	<b>39.478.465.369</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	442.689.690	502.320.343
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	436.553.192	102.153.435
- <i>Thu lao hội đồng quản trị</i>	51.000.000	-
- <i>Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP</i>	375.647.018	99.633.965
- <i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	9.906.174	2.519.470
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	879.242.882	604.473.778
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>175.848.576</b>	<b>59.584.794</b>
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này</i>	-	120.894.756
- <i>Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay</i>	-	(61.309.962)

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	13.336.364.643	14.491.042.146
<b>Cộng</b>	<b>13.336.364.643</b>	<b>14.491.042.146</b>

**6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	13.451.137.355	17.795.897.531
<b>Cộng</b>	<b>13.451.137.355</b>	<b>17.795.897.531</b>

**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Bộ phận Sản xuất và Dịch vụ khác;
- Bộ phận Xây lắp.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022

	Bộ phận Sản xuất và dịch vụ khác		Bộ phận Xây lắp		Tổng cộng	
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Doanh thu</b>						
từ khách hàng bên ngoài	1.594.984.157	1.563.309.854	47.681.232.293	34.858.075.631	49.276.216.450	36.421.385.485
<b>Tổng</b>	<b>1.594.984.157</b>	<b>1.563.309.854</b>	<b>47.681.232.293</b>	<b>34.858.075.631</b>	<b>49.276.216.450</b>	<b>36.421.385.485</b>
<b>Chi phí kinh doanh</b>						
Giá vốn hàng bán	1.398.210.944	1.047.255.895	44.672.466.838	32.366.150.584	46.070.677.782	33.413.406.479
Chi phí quản lý doanh nghiệp	59.409.508	166.207.439	1.776.016.748	1.799.531.043	1.835.426.256	1.965.738.482
<b>Tổng</b>	<b>1.457.620.452</b>	<b>1.213.463.334</b>	<b>46.448.483.586</b>	<b>34.165.681.627</b>	<b>47.906.104.038</b>	<b>35.379.144.961</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>	<b>137.363.705</b>	<b>349.846.520</b>	<b>1.232.748.707</b>	<b>692.394.004</b>	<b>1.370.112.412</b>	<b>1.042.240.524</b>
Doanh thu tài chính					13.599.720	169.665.933
Chi phí tài chính					931.116.268	697.066.644
Thu nhập thuần khác					(9.906.174)	(12.519.470)
Lợi nhuận trước thuế					442.689.690	502.320.343
Chi phí thuế TNDN hiện hành					175.848.576	59.584.794
Chi phí thuế TNDN hoãn lại					-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>					<b>266.841.114</b>	<b>442.735.549</b>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thông tin khác

	Bộ phận Sản xuất và Dịch vụ khác		Bộ phận Xây lắp		Tổng cộng	
	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày
	30/06/2022	01/01/2022	30/06/2022	01/01/2022	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản của bộ phận	2.628.781.305	2.521.372.825	78.586.067.126	95.059.156.697	81.214.848.431	97.580.529.522
Tài sản không phân bổ					-	-
<b>Tổng tài sản</b>					<b>81.214.848.431</b>	<b>97.580.529.522</b>

	Bộ phận Sản xuất và Dịch vụ khác		Bộ phận Xây lắp		Tổng cộng	
	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày
	30/06/2022	01/01/2022	30/06/2022	01/01/2022	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nợ phải trả của bộ phận	2.012.745.910	2.030.748.714	60.170.005.357	76.561.965.887	62.182.751.267	78.592.714.601
Nợ phải trả không phân bổ					-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>62.182.751.267</b>	<b>78.592.714.601</b>

	Bộ phận Sản xuất và Dịch vụ khác		Bộ phận Xây lắp		Tổng cộng	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chi phí mua sắm tài sản bộ phận	-	-	85.000.000	-	85.000.000	-
Chi phí mua sắm tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-
Chi phí khấu hao bộ phận	14.116.414	127.435.310	422.002.941	188.503.143	436.119.355	315.938.453
Chi phí khấu hao không phân bổ	-	-	-	-	-	67.710.178



**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3**

Địa chỉ: Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quanMối quan hệ

- |  |  |
|--|--|
| 1. Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam | Công ty mẹ   |
| 2. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4            | Công ty cùng chịu sự kiểm soát của các nhân sự chủ chốt của Công ty mẹ |
| 3. Trần Đức Dũng                               | Quan hệ với nhân sự chủ chốt   |
| 4. HĐQT và Ban Giám đốc                        | Nhân sự quản lý chủ chốt   |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa niên độ, số dư phải thu, phải trả và vay với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2022 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2022 VND</u>
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	8.309.798.945	8.272.031.015
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.3</b>	<b><u>8.309.798.945</u></b>	<b><u>8.272.031.015</u></b>
	<u>Tại ngày 30/06/2022 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2022 VND</u>
Trả trước người bán ngắn hạn		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	802.161.649	-
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.4</b>	<b><u>802.161.649</u></b>	<b><u>-</u></b>
	<u>Tại ngày 30/06/2022 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2022 VND</u>
Phải trả người bán ngắn hạn		
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	658.288.609	653.048.328
Phải trả người bán dài hạn		
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	955.635.143	1.146.762.171
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.11</b>	<b><u>1.613.923.752</u></b>	<b><u>1.799.810.499</u></b>
	<u>Tại ngày 30/06/2022 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2022 VND</u>
Phải trả ngắn hạn khác		
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	186.976.648	218.132.687
Phải trả dài hạn khác		
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	151.418.426	214.406.565
<b>Cộng - xem thêm mục 4.15</b>	<b><u>338.395.074</u></b>	<b><u>432.539.252</u></b>

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3**

Địa chỉ: Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Vay ngắn hạn		
Trần Đức Dũng	1.538.836.000	-
Vay dài hạn		
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng - xem thêm mục 4.17</b>	<b>2.538.836.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	6.734.238.198	1.955.551.566
<b>Cộng - Xem thêm mục 5.1</b>	<b>6.734.238.198</b>	<b>1.955.551.566</b>
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng:		
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	-	45.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.386.150.000</b>
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Trần Đức Dũng		
Nợ gốc vay	1.500.000.000	-
Lãi vay nhập gốc	38.836.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.538.836.000</b>	<b>-</b>
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam		
Cần trừ công nợ	329.619.966	-
Lãi vay	134.496.568	66.144.119



**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3**

Địa chỉ: Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
<b>Thù lao Hội đồng quản trị</b>		
Phạm Hữu Minh Huy	-	10.500.000
Võ Thành Lương	15.000.000	4.500.000
Đậu Ngọc Thanh	12.000.000	12.000.000
Trần Đức Thanh	12.000.000	12.000.000
Trần Thị Lương	12.000.000	12.000.000
Văn Anh Hùng	6.000.000	12.000.000
Nguyễn Văn Tuấn	6.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>63.000.000</b>	<b>63.000.000</b>

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
<b>Thu nhập Ban Giám đốc</b>		
Trần Đức Thanh	94.437.000	100.593.000
Văn Anh Hùng	-	43.011.000
Nguyễn Văn Trọng	11.522.000	-
Nguyễn Văn Tuấn	11.556.000	-
<b>Cộng</b>	<b>117.515.000</b>	<b>143.604.000</b>

**9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Nguyễn Thế Hùng	12.000.000	12.000.000
Nguyễn Thị Hồng Vinh	4.800.000	4.800.000
Nguyễn Văn Tuấn	3.200.000	4.800.000
Nguyễn Huy Hùng	1.600.000	-
<b>Cộng</b>	<b>21.600.000</b>	<b>21.600.000</b>

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3**

Địa chỉ: Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01NQ/VNECO3-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2022 đã thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ của Công ty từ 13.197.100.000 VND lên 26.394.200.000 VND. Số lượng cổ phiếu chào bán là 1.319.710 cổ phiếu. Trong đó chào bán cho cổ đông hiện hữu là 1.214.133 cổ phiếu và phát hành để trả cổ tức 8% vốn điều lệ là 105.577 cổ phiếu. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty đang tiến hành các bước tiếp theo để đăng ký phát hành cổ phiếu với Ủy ban chứng khoán Nhà nước và các cơ quan quản lý Nhà nước để chuẩn bị quá trình phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

Ngoài sự kiện trên, không có các sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Trần Đức Thanh**  
**Giám đốc**

Nghệ An, ngày 12 tháng 08 năm 2022

**Bùi Đức Long**  
**Kế toán trưởng**

**Bùi Đức Long**  
**Người lập**